

ĐỨC THÁNH LÝ NHẬT QUANG VÀ ĐỀN QUẢ SƠN, ĐỒ LƯƠNG, NGHỆ AN

NGUYỄN TẤT HÀO*

Sử gia Phan Huy Chú, đầu thế kỷ XIX đã nhận định về vị thế của Nghệ An như sau: "Nghệ An, phía Nam giáp Thuận Hoá, phía Bắc liền Thanh Hoá, phía Tây giáp Ai Lao, phía Đông giáp biển. Núi cao sông sâu, phong tục thuần hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả Nam châu. Người thì thuần hoà mà chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý, của lạ. Những vị thần ở núi, ở biển phần nhiều có tính linh thiêng. Được khí tốt của sông núi, nên sinh ra nhiều bậc danh hiền. Lại còn khoảng đất liền với đất người Mãn, người Lào, làm giới hạn cho hai miền Nam - Bắc, thực là nơi hiểm yếu, như "thành đồng ao nóng của nước", và là then khoá của các triều đại". Trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427), tướng Nguyễn Chích tâu với chủ tướng Lê Lợi rằng: "Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng người đông, tôi đã từng qua lại Nghệ An nhiều lần nên rất thông thạo đường đất. Nay ta nên trước hãy đánh lấy Trà Long (một địa danh thuộc châu Nghệ An xưa), chiếm giữ bình định cho được Nghệ An để làm chỗ đất dừng chân, rồi dựa vào đấy mà lấy tiền tài, sức lực, sau đó sẽ quay cờ trẩy ra Đông Đô thì có thể tính xong được việc dẹp yên thiên hạ". Đó là những nhận định rất xác đáng và đã được minh chứng trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Từ đầu thế kỷ X trở đi, nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự chủ, các triều đại quân chủ Việt Nam trong quá trình xây dựng và củng cố triều đại của mình, bao giờ cũng đặc biệt chú ý đến Nghệ An. Nhà Ngô, nhà Đinh, nhà tiền Lê, nhà Lý, nhà

Trần, nhà Hồ, nhà hậu Lê thay nhau cử những hoàng thân quốc thích, những nhà chính trị lão luyện, những vị tướng giỏi vào trấn giữ vùng đất Hoan châu. Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn (thế kỷ XV), vua Quang Trung với chiến công đại phá quân Mãn Thanh (thế kỷ XVIII), trước sau, đều phải dựa vào xứ Nghệ làm thế "ý đốc" để tiến đánh quân thù, giải phóng đất nước, đưa giang sơn thống nhất về một mối.

Trải qua các triều đại, dẫu có thay đổi về cấp hành chính, như châu, phủ, trấn hay trại thì Nghệ An vẫn là một vùng đất có tầm quan trọng - vị trí địa quân sự, địa chính trị và địa kinh tế của nó. Dưới thời Lý, đây là vùng biên viễn của tổ quốc. Bấy giờ, Nghệ An là nơi mà các thế lực, như Chiêm Thành, Lão Qua (tức là Nam Chương, có thể gọi là Lao Long nuôi tham vọng bành trướng. Bởi vậy, tháng 11 năm Tân Ty, niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo, năm thứ 4 (1041), vua Lý Thái Tông xuống chiếu cho Uy Minh hầu Lý Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An. Thời bấy giờ, Nghệ An là một vùng đất ở xa chính quyền trung ương, địa hình hiểm trở, nhiều thế lực cát cứ đã bao phen nổi lên tập hợp lực lượng âm mưu chống lại chính quyền trung ương. Vì vậy, sau khi tìm hiểu khái quát địa bàn Nghệ An, Lý Nhật Quang đã đi tới quyết định chọn Bạch Đường (gồm các thôn Nhân Trung, Phúc Toàn, Phúc An, Nhân Bồi, Miếu Đường) làm lỵ sở của châu Nghệ An.

Vậy địa danh Bạch Đường được chọn đặt "phủ lỵ" có ý nghĩa như thế nào đối với xứ Nghệ và đối với sự nghiệp của Lý Tri châu?

Địa danh Bạch Đường xuất hiện từ rất sớm, đến cuối thế kỷ XIX, để tránh huý vua Đồng

* Cục Văn hóa cơ sở

Khánh, triều đình Huế mới đổi thành Bạch Ngọc. Hàng loạt địa danh khác cũng phải đổi, như huyện Nam Đường thành huyện Nam Đàn, thôn Miếu Đường (có tên nôm là làng Mượu) thành thôn Tập Phúc...

Hiện nay, Bạch Ngọc là ranh giới giữa hai miền trung du và đồng bằng của tỉnh Nghệ An. Cách đây độ vài trăm năm, Bạch Đường là miền núi khá hiểm trở. Trước mặt là dòng sông Lam - con sông lớn nhất miền Trung, chảy qua bồi đắp thành bãi phù sa ven vùng dân cư. Phía sau lưng là núi rừng, có vô số loài chim muông và thú hoang dã, đồng thời là những kho tàng vô tận. "Rừng là vàng" đối với nhân dân Bạch Đường quả là không sai! Thời đó, các vụ lúa và hoa màu bấp bênh vì thiên tai và vì thú rừng phá hoại. Hai nghề sơn tràng (khai thác lâm thổ sản) và săn bắn được coi là nghề chính.

Ngược dòng lịch sử, vào thời nhà Lý, thế kỷ thứ XI, Bạch Đường là miền sơn cước, núi giăng thành thiên la địa võng khá hiểm trở, dân cư tuy thưa thớt nhưng thuần phác, dũng cảm... Bạch Đường có lợi thế là trung tâm của châu Nghệ An. Từ địa bàn này, có thể xuôi theo đường thủy ra biển Đông, lên tận biên giới phía Tây hay vạch đường bộ đến Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, men theo biên giới Việt - Lào ra Thanh Hoá hoặc phải rẽ xuống các huyện đồng bằng Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành. Đứng chân tại "phủ lý" này có thể kiểm soát được cả vùng thượng du và vùng xuôi. Lúc khó khăn thì về đây thủ hiểm với sông rộng, núi cao, khe sâu, rừng rậm, lèn đá trập trùng... đây chính là những bức thành thiên nhiên lý tưởng cho một căn cứ địa, một an toàn khu của nhiều thời kỳ lịch sử giữ nước tại xứ Nghệ.

Chọn lý sở Bạch Đường chắc chắn Tri châu Lý Nhật Quang cũng đã phát hiện ra

những ưu thế đó. "Đại Nam nhất thống chí" đã xác định Bạch Đường là "phủ lý Nghệ An" - nơi đặt đại bản doanh thời đó.

Phủ lý chính thức thiết lập dưới chân núi Quả Sơn, sát mép Lam Giang thuộc thôn Miếu Đường. Chu vi Quả Sơn không rộng lắm nhưng xếp liền kề với nhiều dãy núi khác liền kết thành đại ngàn có bề dày hàng trăm dặm. Đứng trên ngọn núi Quả quan sát: phía trước mắt là sông Lam từ thượng Lào đổ ra biển Đông, phóng tầm mắt ra xa bao quát được cả vùng hạ lưu tiếp giáp biển Đông với dãy Hồng Lĩnh "chín chín ngọn", hay vùng thượng đạo ra Bắc vào Nam, nổi bật giữa trời xanh là đỉnh lèn Kim Nhan hùng vĩ được coi là danh thắng, ấp ủ khí thiêng của xứ Nghệ.

Trong buổi đầu dựng nước, tại vùng đất xa xôi này, phủ lý chưa phải là nơi sầm uất, đô hội mà chỉ là nơi đứng chân "tiến thoái lưỡng lợi". Chưa biết đích xác Lý Tri châu đặt sở lý Bạch Đường vào thời



Tượng thánh Lý Nhật Quang, đền Quả Sơn, Nghệ An - Ảnh: Tác giả

gian nào và trong bao lâu? Chỉ biết rằng, sau khi Đúc thánh mất, xứ Nghệ đã ổn định, có đà phát triển thì Thái sư Lý Đạo Thành về trấn nhậm từ năm (1072 - 1073) đã dời lỵ sở đến Phạt Kê (sau đổi là Bụt Đà, nay là xã Đà Sơn, giáp với thị trấn Đô Lương về phía Nam ghé Tây), một địa danh văn hoá và kinh tế nổi tiếng đương thời, cách Bạch Đường khoảng 6km.

Sơ bộ khảo sát các di chỉ còn lại tại Bạch Đường, có thể đoán định rằng: Lý Nhật Quang đã cắm lỵ sở tại đây để tính kế lâu dài. Đại bản doanh có sông lớn che chắn từ phía trước, bên tả là bàu nước sâu (Đồng Bàu), tiếp giáp con Hói Thông (tức là một chi lưu nhỏ của sông Lam) ken dày bằng những rặng tre hai bên bờ, vượt Hói Thông là luy đất dày. Cách cửa Lũy mấy trăm mét là xứ Nương Cộ (tức là vườn cũ, tiếng địa phương), nơi cư trú của dân Miếu Đường, chuyên nghề trồng trọt và săn bắn. Phía trước làng và gần kề cửa Lũy là cồn Tiên Nông, một cồn đất được tôn cao, truyền lại là, hằng năm dân làng đến đây để làm lễ tế Thần Nông (?) Cũng phía trước Nương Cộ hơi chệch về phía Đông là các núi thấp mang tên Cồn Đồn, Cồn Đình, sau lưng các cồn này là Cồn Tán, ít nhiều phản ánh địa điểm đóng quân và đặt chỉ huy sở vòng ngoài. Gần kề Cồn Đồn, Cồn Đình còn có Cồn Khách (?) Vượt Quả Sơn là địa phận làng Nhân Bồi, hiện lưu giữ một số địa danh rất có ý nghĩa, như Trại Bạc, Bãi Vàng, Vườn Nhà Trò..., lúi sâu vào trong các dãy núi thấp um tùm rậm rạp, rất kín đáo, cách sông Lam khoảng vài km.

Lúi về phía Tây, thuộc địa phận thôn Nhân Trung, giữa núi non trùng điệp bao vây tứ phía còn có một tên đất gọi là Lò Rèn, đây là "công binh xưởng" chuyên rèn binh khí, chiến cụ... Chiếm vị thế trung tâm của châu, lại có địa lợi độc đáo kể trên nên Miếu Đường, Bạch Đường đã từng là "thành đồng vách sắt" của đại bản doanh họ Lý tại châu Nghệ An. Phủ lỵ Bạch Đường không một lần bị uy hiếp và tấn công. Dân cư Miếu Đường dàn sát cửa Lũy, là tai mắt cho đội quân bố phòng mặt tiền. Dân các làng Nhân Bồi, Phúc Toàn, Nhân Trung góp sức bảo vệ kho tàng và tham gia chế tác vũ khí, chiến cụ. Dân làng Phúc Yên che chắn phía Tây Bắc phủ lỵ. Hai làng Vạn Trung Lữ (hay cũng gọi là Trung Lữ) và Cương Thổ (hay còn gọi là Cương Thỏ) góp phần canh phòng mặt sông, đồng thời lúc cần đưa thuyền bè vào việc giao lưu đường thủy.

Đền Quả Sơn là đền thờ chính, được xây cất cạnh lăng mộ vị danh tướng, danh thần Uy Minh Vương Lý Nhật Quang (con trai vua Lý Công Uẩn) làm Tri châu Nghệ An (1039 - 1055). Đền nằm dưới chân núi Quả (Quả Sơn), nên có tên gọi đó. Đền cũng còn có tên gọi khác là đền Mượu, vì đền thuộc địa phận làng Mượu, xã Bạch Đường (nay thuộc xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An). Mặt tiền đền hướng ra sông Lam (còn gọi là sông Cả), con sông lớn nhất Nghệ An và miền Trung. Sông chảy xiết, sóng dữ nhưng núi không bị bào mòn vì được cấu tạo bằng đất, đá màu vàng và mềm, có độ liên kết chặt, giữ độ ẩm mát cao, thích hợp cho cây cối phát triển. Xưa kia Quả Sơn được coi là khu rừng cấm, có rất nhiều loại gỗ quý, như trắc, lim, vàng tâm... Đền Quả Sơn ở vào vị trí sơn thủy hữu tình. Con sông Lam phát nguồn từ vùng cao Thượng Lào, vượt qua bao ghềnh thác hiểm trở, về đến Dừa (nay là xã Đúc Sơn, huyện Anh Sơn) thì êm đềm uốn khúc đổ nước về xuôi. Khi đến Động Đò (cũng gọi là Động Ngự), dòng sông uốn lượn trước mặt tiền đền Quả, tạo nên một hình thế cực kỳ ngoạn mục. Động Đò - địa đầu núi Quả, được hình dung là mũi rồng; cồn cát nhỏ lúc nổi (mùa cạn) lúc chìm (mùa nước lớn) phía cuối chân núi có dòng nước chảy quanh được gọi là lưỡi rồng; làng Mượu tựa xem như hàm rồng.

Đền Quả Sơn có tuổi thọ ngót một ngàn năm, được trùng tu nhiều lần, đã trở thành một di tích lịch sử uy nghi, hoành tráng, rất tôn nghiêm, có quy mô rộng lớn trong một khuôn viên hết sức ngoạn mục, xứng đáng với tầm vóc danh thần - danh tướng họ Lý, người có công tích lớn lao đối với nhân dân Nghệ Tĩnh nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Sau khi thất bại nặng nề ở nhiều chiến trường, thực dân Pháp đã cho máy bay dội bom phá hoại nhiều di tích lịch sử - văn hoá, nhiều công trình giao thông, thủy lợi và kinh tế. Toà đền Quả Sơn sau ba lần bị bom đạn tàn phá nặng nề (cùng thời gian này đến Đô ở tỉnh Bắc Ninh thờ 8 vị vua nhà Lý cũng bị máy bay Pháp đánh phá ác liệt - một sự trùng lặp rất kỳ lạ). Tuy đền miếu bị san bằng nhưng di tượng Đúc thánh núi Quả và nhiều đồ tế khí vẫn được bảo vệ tốt. Đến nay, công việc khôi phục toà đền đang từng bước được triển khai một cách tích cực. Trước đây, trên đất xứ Nghệ hầu như ở làng xã nào cũng có đình, đền, chùa, miếu... vừa thờ thiên thần, Đúc Phật, vừa thờ nhân thần và các lực lượng siêu nhiên đã phản

ánh đời sống tâm linh của nhân dân rất phong phú và đa dạng. Tự chung lại, 4 ngôi đền được coi là linh thiêng nhất là, "nhất Cờn, nhì Quả, tam Bạch Mã, tứ Chiêu Trưng" (đền Cờn thờ một bà hoàng hậu nhà Tống bị đắm thuyền dạt vào cửa Cờn, có lẽ vì đối ngoại mà các triều đại phong kiến Việt Nam xếp vào loại đền thiêng? Bạch Mã là đền thờ danh tướng thời Lam Sơn khởi nghĩa. Chiêu Trưng là đền thờ Lê Khôi, cháu gọi Lê Lợi bằng chú, danh tướng thời Lam Sơn khởi nghĩa). Lễ hội đền Quả Sơn là một lễ hội lớn trong vùng Đô Lương - Nghệ An, gắn với người có công khai phá và gây dựng nên vùng đất Nghệ An - Vùng đất phen đậu của tổ quốc ta (vào thời nhà Lý), trở thành vùng đất trọng trấn của quốc gia Đại Việt thời ấy. Lễ hội đền Quả Sơn đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân địa phương. Chính vì thế, hằng năm cứ vào dịp 19 - 21 tháng Giêng Âm lịch, nhân dân địa phương quanh vùng Bạch Ngọc (3 xã Ngọc Sơn, Lam Sơn, Bồi Sơn) đã tổ chức lễ hội ở đền Quả Sơn, để thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của người dân đối với Tri châu Uy Minh Vương Lý Nhật Quang - Đức thánh Quả Sơn.

Theo sử sách, ngài là người dũng cảm, trung hiếu, cung cần, có tài thao lược. Thuở thiếu thời, ngài được vua cha và hoàng tộc rèn cặp, sớm trở thành một trụ cột của nước nhà. Từ năm 1039 (có tài liệu ghi 1040), Lý Nhật Quang được triều đình phái vào Nghệ An (là miền biên viễn phía Nam của Đại Việt lúc bấy giờ) để trông coi công việc tổ thuế và sau đó được chính thức bổ nhiệm làm Tri châu Nghệ An.

Trong thời gian 16 năm (1039 - 1055) dưới hai triều Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, Uy Minh Vương Lý Nhật Quang đã cống hiến đoạn đời đẹp nhất cho sự nghiệp, lập nhiều công tích lớn đối với triều đình và với nhân dân xứ Nghệ. Trị nhậm một miền biên viễn đầy thử thách, ngài đã biến vùng biên ải thành căn cứ địa vững chắc, phồn vinh, hậu thuẫn đáng tin cậy cho nhiều người sau này đến trị nhậm vùng đất này, như Thái sư Lý Đạo Thành, danh tướng Lý Thường Kiệt... và các triều đại về sau. Vừa bảo quốc, vừa hộ dân, Uy Minh Vương đã có tài kinh bang tế thế đặc biệt, thực hành chính sách huệ dân, khuyến thiện trừng ác, khiến cho nhân dân cả châu an cư lạc nghiệp: "Ngài ở châu 16 năm, trừng trị bọn gian, khen thưởng người lành, khai khẩn đất hoang, chiêu

mộ lưu dân, bọn vô lại phải im hơi, người dân về với vương được yên nghiệp. Ngài thường qua lại vùng này, vùng khác, dạy nghề làm ruộng, chăn tằm, trồng cây cối, nuôi gia súc, có nhiều chính sách có lợi cho dân, làm cho nhân dân đoàn kết. Người đến kiện tụng thì lấy liêm sỉ, lễ nghĩa giảng dạy làm cho tự giác ngộ, ai nấy đều cảm hoá, không bàn đến kiện cáo nữa!"

Để tạo dựng được một vùng Nghệ Tĩnh đất rộng, người đông, có khí phách ngoan cường, dũng cảm, sáng chói trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ tổ quốc của dân tộc ta, phần công đầu thuộc về tướng quân - Tri châu Uy Minh Vương Lý Nhật Quang. Lý Tri châu qua đời trong niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân xứ Nghệ và nhân dân cả nước. Vì thế mà có câu đối cổ hiện vẫn được lưu giữ tại đền Quả Sơn rất sát với lịch sử:

"Xã tắc nguyên thần hoàng Lý tử,

Hồng - Lam cự khổn Quả Sơn thần"

(Đại ý là: Hoàng tử Lý Nhật Quang là người tiêu biểu nhất trong triều Lý, thần Quả Sơn là vị thần đứng đầu vùng Nghệ Tĩnh).

Để tưởng nhớ công lao của vị danh tướng, danh thần kiệt xuất, đồng thời để tăng thêm hào quang cho vương triều mình, các triều đại đã lần lượt gia phong:

- Triều Lý: Uy Minh hầu lên Uy Minh vương.

- Triều Trần: Uy Minh dũng liệt hiển trung. tá thánh phù hộ đại vương.

- Triều Lê: Tam toà Quốc chủ thượng đẳng thần (thời Lê Thánh Tông), Hiển linh hộ quốc hồng hân đại vương (thời Lê Trung hưng).

- Triều Nguyễn: Thượng đẳng thần (thời vua Khải Định).

Nhân dân trong châu và trong cả nước đều coi ngài đã hiển thánh sau khi mất. Vì thế, họ đã suy tôn ngài là: Thượng thượng thượng đẳng thần. Để tỏ lòng tri ân và ngưỡng mộ, đã gần 1000 năm nay, nhân dân và nhà nước đều chăm lo việc hương khói, tế tự chu đáo. Đặc biệt, hàng năm và sau này thì ba năm hai kỳ, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội chèo bơi hết sức linh đình và trọng thể. Đền thờ Đức thánh Quả Sơn đang được sự quan tâm của chính quyền, ban ngành, đoàn thể các cấp và nhân dân địa phương để trùng tu, tôn tạo với quy mô ngày càng hoành tráng và uy nghiêm.

N.T.H